

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 188/2025/DS-ST
Ngày 25-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;
- Ông Đặng Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2025/TLST-DS ngày 06/01/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2025/QĐXXST-DS ngày 09/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Kim N, sinh năm 1961; Địa chỉ: số 53/8, đường Đ, khu phố CL 5, phường C, thành phố M, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh H; Địa chỉ: số 230/12, đường Yersin, tổ 20, khu phố 2, phường H, thành phố M, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2024, đơn kiện bổ sung ngày 10/12/2024, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Kim N trình bày:

Do quen biết nên ngày 01/01/2012 bà Trần Kim N cho bà Nguyễn Thanh H vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 01/01/2012 vay số tiền 30.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả tiền.

- Ngày 25/10/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng kể từ ngày 25/10/2022.

- Ngày 22/12/2022 vay số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 22/12/2022.

Tổng số tiền bà H vay của bà N là 65.000.000 đồng. Đến hạn trả tiền nhưng bà H không trả cho bà N mặc dù bà N đã nhiều lần yêu cầu. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu bà H trả tiền nợ gốc đã vay 65.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 20%/năm đối với số tiền nợ gốc 25.000.000 đồng, tạm tính từ ngày 22/01/2022 đến ngày 22/11/2024 là 23 tháng với số tiền 10.000.000 đồng. Quá trình giải quyết, bà Nguyệt thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất đối với số tiền 25.000.000 đồng, cụ thể bà N chỉ yêu cầu tính lãi suất 10%/năm đối với số tiền 25.000.000 đồng, tính từ ngày 25/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/6/2025) với số tiền 5.602.500 đồng. Tổng cộng 70.602.500 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 03 giấy mượn tiền có chữ ký của bà Nguyễn Thanh H.

Bị đơn bà Nguyễn Thanh H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/5/2025 và tham gia phiên tòa vào các ngày 02/6/2025 và ngày 25/6/2025 nhưng bà H không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Trần Kim N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thanh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Kim N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thanh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Trần Kim N và bà Nguyễn Thanh H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà N căn cứ vào 03 giấy mượn nợ để khởi kiện yêu cầu bà H trả tiền nợ gốc đã vay là 65.000.000 đồng. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp lời khai và chứng cứ chứng minh bị đơn không vay tiền hoặc đã thanh toán, xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc khi đến hạn, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ gốc 65.000.000 đồng cho nguyên đơn là có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn, xét thấy tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: “Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật này”, do đó bà N yêu cầu tính lãi suất với mức 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) từ ngày 25/3/2023 đến ngày 25/6/2025 là 27 tháng x 25.000.000 đồng x 0,83% = 5.602.500 đồng là phù hợp nên chấp nhận. Đối với số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng, bà N không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 357, 468, 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim Nguyệt đối với bị đơn bà Nguyễn Thanh H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thanh H phải trả cho bà Trần Kim N số tiền 70.602.500 đồng, trong đó nợ gốc 65.000.000 đồng và 5.602.500 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thanh H phải nộp 3.530.000 đồng.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh B ;
- VKSND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 04 tháng 10 năm 2022, tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.

2.

Tiến hành nghị án vụ án Dân sự thụ lý số 232/2022/TLST-DS ngày 16/6/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Kim Nguyệt, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 53/8, khu phố Chánh Lộc 5, phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn*:

- Ông Nguyễn Trùng Dương, sinh năm: 1968; địa chỉ: Số 274/2, tổ 21, khu 2, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Bà Hồ Thị Thu Hồng, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 274/2, tổ 21, khu 2, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim Nguyệt đối với bị đơn ông Nguyễn Trùng Dương và bà Hồ Thị Thu Hồng về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Trùng Dương và bà Hồ Thị Thu Hồng phải trả cho bà Trần Kim Nguyệt số tiền 480.000.000 đồng.

Buộc bà Hồ Thị Thu Hồng phải trả cho bà Trần Kim Nguyệt số tiền 1.620.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bà Trần Kim Nguyệt phải trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS07437 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 23/8/2016 cho ông Nguyễn Trùng Dương, diện tích 33,7m² thuộc thửa 275, tờ bản đồ số 60 tọa lạc phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cho ông Nguyễn Trùng Dương và bà Hồ Thị Thu Hồng.

Kết quả biểu quyết 3/3

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Trùng Dương và bà Hồ Thị Thu Hồng phải nộp 23.200.000 đồng đối với số tiền 480.000.000 đồng.

- Bà Hồ Thị Thu Hồng phải nộp ...60.600.000 đồng đối với số tiền 1.620.000.000 đồng.

Kết quả biểu quyết 3/3

3. Dương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Dương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ..... phút cùng ngày.

Hội đồng xét xử sơ thẩm

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán—chủ tọa phiên toà

